TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 3 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đèo** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST–HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồng D**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp 4, xã T, thị xã G, tỉnh B (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp 4, xã T, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng D trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nay, chị D yêu cầu được ly hôn với anh N do vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống sống, anh N không lo làm ăn chơi bời, cờ bạc và quậy phá gia đình, bỏ mặt chị D vất vả nuôi con ăn học gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn.

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được và làm việc được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu HĐXX tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hồng D và anh Bùi Văn N

Về quan hệ con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Chia tài sản: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Do anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D để giải quyết theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của chị D đã chứng minh được chị và anh N đã sống ly thân, với những lý do mà chị D đặt ra là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân chị D và anh N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa chị D và ông N là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội.

[3] Việc nuôi con: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Chia tài sản: Chị Nguyễn Hồng D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí:

- Chị Nguyễn Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004352 ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Anh Bùi Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 ; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1, Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hồng D và anh Bùi Văn N.

2. Việc nuôi con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Chia tài sản: Chị Nguyễn Hồng D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004352 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Anh Bùi Văn N không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA